TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST Ngày 26-04-2018 V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Vĩ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân Giao và ông Nguyễn Hưng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2018/HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/QĐST-HNGĐ ngày 09/04/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn M (Có mặt)

Địa chỉ: 142/69 Y , thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mai P(Vắng mặt)

Địa chỉ: 327/118/15 Y , thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn M trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Mai P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk năm 1998 và đến năm 2005 thì ly hôn và vào ngày 10/5/2011 ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Mai P lại đăng ký kết hôn lại.

Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà P hay đi không về nhà, không chăm lo gia đình, con cái và có dấu hiệu ngoại tình. Vợ chồng ông M – bà P đã ly thân từ 04 tháng nay. Từ khi ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Vào tháng

12/2017, bà P có làm đơn ly hôn trên Tòa án nhưng sau đó bà P rút đơn xin ly hôn, nhưng không về nhà sinh sống cùng gia đình chăm sóc con cái. Nay ông M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông M được ly hôn với bà P.

-Về con chung:Vợ chồng ông M bà P có 03 con chung là: Cháu Nguyễn Ngọc Phương T – Sinh ngày 30/5/1999, cháu Nguyễn Ngọc Minh C – sinh ngày 23/04/2001 và cháu Nguyễn Ngọc Minh T – sinh ngày: 23/04/2001. Hiện các cháu đang do ông M chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông M có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến khi trưởng thành còn đối với cháu Nguyễn Ngọc Phương T – Sinh ngày 30/5/1999 đã đủ tuổi thành niên nên không đề cấp xem xét.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Ông M không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Nguyễn Thị Mai P: Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng bà P không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn M vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Mai P và yêu cầu nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn M và bị đơn bà Nguyễn Thị Mai P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Mai P nhưng bà Pkhông lên Tòa án làm việc mà chỉ có ông Nguyễn M lên Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Mai P cũng như tiến hành hòa giải được. Qua xác M tại chính quyền địa phương được biết: Bà Nguyễn Thị Mai P hiện đang cư trú tại 327/118/15 Y , phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng ông M, bà P có nhiều mâu thuẫn nên bà P chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống tại 327/118/15 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bà P hay đi làm làm ăn xa thi thoảng về nhà và thăm các con, còn ông M và các con đang sinh sống tại 142/69 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

***** Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Mai P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/5/2011 là hoàn toàn tự nguyện nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn chửi nhau, không hợp tính nhau, bà Nguyễn Thị Mai P hay đi chơi không về nhà, không chăm lo gia đình, con cái. Vợ chồng ông M – bà P đã ly thân từ 04 tháng nay. Từ khi ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau mặc dù ông M, các con đã khuyên giải nhưng không có kết quả.Như vậy ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Mai P sống chung có mâu thuẫn xảy ra nên cần chấp đơn ly hôn của ông Nguyễn M và cho ông Nguyễn M được ly hôn với và bà Nguyễn Thị Mai P.

* Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Ngọc Phương T – Sinh ngày 30/5/1999 đã đủ tuổi thành niên nên không đề cấp xem xét.

Xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc M inh C và cháu Nguyễn Ngọc Minh T là được ở với ông Nguyễn M đến tuổi thành niên.

Xét đây là nguyện vọng chính đáng của các cháu vì từ khi bà P bỏ sang nhà mẹ đẻ sinh sống thì các cháu đã được ông M chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu hiện đang học hành ổn định tại thành phố Buôn Ma Thuột nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 cháu cho ông M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và xét nguyện vọng của ông Nguyễn M là chính đáng, phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn M không yêu cầu bà Nguyễn Thị Mai P phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Mai P không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn M được ly hôn với và bà Nguyễn Thị Mai P.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh – sinh ngày 23/04/2001 và cháu Nguyễn Ngọc Minh T– sinh ngày: 23/04/2001 cho ông Nguyễn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu đủ tuổi thành niên(18 tuổi).

Bà Nguyễn Thị Mai P được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn M không yêu cầu bà Nguyễn Thị Mai P cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập tới.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn M xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập tới.

4.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Nguyễn M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông M đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0004989 ngày 05/1/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột.

Bà Nguyễn Thị Mai P không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dânsự.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND phường T, TP.B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

Phạm Văn Vĩ